

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 25 - 9 - 2020

V/v tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân

Các thẩm phán: Ông Vi Văn Chắt

Ông Phạm Văn Phần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn*”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Chu Văn N, sinh năm 1984. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Sỹ Lương - Luật sư Văn phòng Luật sư Quang Lương và Cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Phan Thị H, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 3, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Chu Thị L1, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ: Khối 10, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

+ Bà Chu Thị X, sinh năm 1959. Có mặt.

Địa chỉ: Số 78/9 đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Hẻm 80/22/6 D, phường 5, Quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Xoan: Ông Trần Đình Thắng, ông Chu Văn Tiên - Luật sư Công ty luật TNHH 88 thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối Nam, xã D1, huyện D, tỉnh Nghệ An.

+ Anh Lê Văn Đ; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối 6, thị trấn C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

+Chị Nguyễn Thị Lân; Địa chỉ: Thôn M, xã Y1, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.
Vắng mặt.

+ Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh V - Phòng Giao dịch chợ V; Địa chỉ: Số 108 đường L, khối 3, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ: Khối 2, thị trấn D1, huyện D, tỉnh Nghệ An.
Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị P - Bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày tại bản tự khai, tại phiên tòa của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ:

Nguyên đơn anh Chu Văn N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị P kết hôn với nhau vào ngày 01 tháng 05 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Trước khi đăng ký kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện, không ai lừa dối, ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau 06 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh Chu Văn N, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến việc vợ chồng xúc phạm danh dự, nhân phẩm, sống không có tình cảm, thiếu trách nhiệm với nhau. Sự việc xảy ra đã được hai gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ ngày 13 tháng 06 năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân. Nay anh Chu Văn N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Anh và chị P không có con chung.

- Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có:

1) 01 cửa hàng bán hàng 2 tầng ở xóm 4, xã H, huyện Y.

2) 01 tủ lạnh sam sung .

3) 02 Điều hòa panasonic. (01 chiếc lắp ở tầng, 01 chiếc lắp ở tầng 2)

- 4) 01 bộ bàn ghế ăn cơm.
- 5) 02 Giường + 01 tủ quần áo 3 buồng.
- 6) 01 bình lọc nước uống.
- 7) 01 máy hút mùi.
- 8) 01 bình nóng.
- 9) 01 kết sắt.
- 10) 01 tủ bếp.
- 11) 01 ti vi 43in.
- 12) 01 bếp ga.
- 13) 02 kệ kính (1 kệ 1,8m; 01 kệ 1,5m)
- 14) 01 tủ nhựa.
- 15) 01 bàn trang điểm.
- 16) 08 bộ rèm cửa.
- 17) 01 máy giặt.
- 18) 01 giàn phơi thông minh.
- 19) 02 đệm (01 đệm 1,6m và 01 đệm 1,8m)
- 20) Sửa chữa nhà: ghép lại nền nhà, sơn tường trong nhà, ghép ri tường , sửa chữa cửa phòng ngủ tầng 1, lắp mới cửa tầng 2, làm bệ bếp, thay đồ nhà vệ sinh (vòi hoa sen, máy bơm áp lực), trổ cửa phía sau nhà.

Toàn bộ những tài sản trên anh N đang quản lý.

- Về hàng hóa kinh doanh tại cửa hàng Năng Phượng tại xóm 4, xã H, huyện Y, gồm có:

- 1) Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,4m: 2 chiếc.
- 2) Đệm Tuấn Anh (cottong) 1,6m: 1 chiếc.
- 3) Đệm Tuấn Anh 14 phân 1,5m: 1 chiếc.
- 4) Đệm seoul 1,6m: 4 chiếc.
- 5) Đệm Việt Hàn 1,6m: 2 chiếc.
- 6) Đệm Việt Hàn 1,4m: 2 chiếc.
- 7) Đệm Qni 1,6m: 1 chiếc.
- 8) Đệm Vinaron 1,6m: 1 chiếc.
- 9) Đệm Mastva 2m: 1 chiếc.
- 10) Đệm Seoul 2m: 2 chiếc.
- 11) Đệm Xốp 1,5m: 4 chiếc.
- 12) Ga soa 7 món 1,6m: 8 chiếc.
- 13) Ga soa 7 món thêu nhiều 1,6m: 7 chiếc.
- 14) Ga Poly phủ 5 món: 24 chiếc.
- 15) Ga phủ rẻ : 2 chiếc.

- 16) Ga phủ: 1 chiếc.
- 17) Ga chun thẳng lợi 1,6m: 4 chiếc.
- 18) Ga Nhung 1,6m: 3 chiếc.
- 19) Ga chun rẽ 1,6m: 15 chiếc.
- 20) Ga chun rẽ 1,8m: 15 chiếc.
- 21) Ga chống thấm 1,6m: 15 chiếc.
- 22) Ruột chặn Sông Hồng: 1 chiếc.
- 23) Chăn To To: 2 chiếc.
- 24) Chăn Đẹp: 1 chiếc.
- 25) Chăn Lông 3kg: 3 chiếc.
- 26) Chăn Lông 5kg: 2 chiếc.
- 27) Chăn Cừu: 7 chiếc.
- 28) Chăn Phao rẽ: 2 chiếc.
- 29) Ruột chặn rẽ evron: 8 chiếc.
- 30) Chăn len 2 kg: 4 chiếc.
- 31) Chăn Tuyết Nhung: 2 chiếc.
- 32) Chăn Tuyết trẻ em: 5 chiếc.
- 33) Thảm trải đường 1,6m: 10 chiếc.
- 34) Thảm trải đường 1,8m: 1 chiếc.
- 35) Ruột gối evron rẽ: 15 đôi.
- 36) Ruột gối bông hạt: 5 đôi.
- 37) Ruột korea: 15 đôi.
- 38) Ruột vinaron: 2 đôi.
- 39) Ruột Vương korea: 6 đôi.
- 40) Gối ôm rẽ: 6 chiếc.
- 41) Vỏ gối trẻ em: 20 chiếc.
- 42) Vỏ gối rẽ: 40 chiếc.
- 43) Vỏ gối so tin: 50 chiếc.
- 44) Vỏ gối cattong: 11 chiếc.
- 45) Màn rẽ: 3 chiếc.
- 46) Thân màn hộp kiểu thường: 7 chiếc.
- 47) Thân màn hộp đẹp: 15 chiếc.
- 48) Màn khung: 6 chiếc.
- 49) Màn hồng hải: 2 chiếc.
- 50) Vải màn màu hồng: 30m.
- 51) Ren đẹp 30P: 13m.
- 52) Ren đẹp 5P: 38m.

- 53) Khung nan kang son: 1 chiếc.
- 54) Chăn hè chân: 2 chiếc.
- 55) Chăn đùi hè: 3 chiếc.
- 56) Thảm lông chùi chân: 4 chiếc.
- 57) Thảm rê: 1 chiếc.
- 58) Thảm chùi chân tàu: 1 chiếc.
- 59) Chiều điều hòa 1,6m đẹp: 3 chiếc.
- 60) Chiều gấm và gôi gấm: 1 chiếc.
- 61) Vỏ đệm: 2 chiếc.
- 62) Màn khung rê: 3 chiếc.
- 63) Ghế da: 5 chiếc.
- 64) Bàn tròn: 1 chiếc.
- 65) Bàn nhựa: 2 chiếc.
- 66) Ghế Việt Nhật : 3 chiếc.
- 67) Ghế nằm: 1 chiếc.
- 68) Bộ đựng rác: 2 chiếc.
- 69) Chậu tắm: 2 chiếc.
- 70) Do để đồ: 2 chiếc.
- 71) Ghế nhựa thấp: 7 chiếc.
- 72) Bộ hình con vật: 1 chiếc.
- 73) Bộ khung Màn rê: 5 bộ.
- 74) Hộp màn: 7 hộp.
- 75) Sào vàng: 30 chiếc.
- 76) Sào nâu: 15 chiếc.
- 77) Sào trắng: 02 chiếc.
- 78) Chân đế: 165 chiếc.
- 79) Đầu bua: 125 chiếc.
- 80) Trụ trần: 74 chiếc.
- 81) Bát: 40 chiếc.
- 82) Trụ đôi vàng: 40 chiếc.
- 83) Nụ vén: 1 chiếc.
- 84) Méc vải: 7 chiếc.
- 85) Méc nhựa: 15 chiếc.
- 86) Vòng ore vàng, trắng, ghi, nâu: 32.
- 87) Rua vén: 95 chiếc.
- 88) Ren rê: 15 chiếc.
- 89) Ren đẹp: 15 chiếc.

- 90) Băng dán 2 mặt làm yếm: 20 chiếc.
- 91) Máy dập viền : 1 chiếc.
- 92) Máy may: 1 chiếc.
- 93) Máy vắt sổ: 1 chiếc.
- 94) Bàn là hơi: 1 chiếc.
- 95) Máy đục lỗ: 1 chiếc.
- 96) Máy cắt to: 1 chiếc.
- 97) Máy bắn vít: 1 chiếc.
- 98) Máy khoan: 1 chiếc.
- 99) Sô fa ghi xám + vc: 1 chiếc.
- 100) Sô fa da vải nâu + vc: 1 chiếc.
- 101) Sô fa xanh chân + vc: 1 chiếc .
- 104) Kệ kính 1,5m rẻ: 1 chiếc (hỏng)
- 105) Giường mẫu + bộ ga mẫu: 1 bộ (hỏng)
- 106) Chiều nam xịn 1,6m: 2 chiếc.
- 107) Chiều cảnh 1,2m: 1 chiếc.
- 108) Chiều cảnh 1,6m: 1 chiếc.
- 109) Màn thông minh Hồng Hải 1,6m: 1 chiếc.
- 110) Màn khung xếp 1,6m: 4 chiếc.
- 111) Màn khung xếp 1,8m: 2 chiếc.
- 112) Màn chụp rẻ 1,6m: 1 chiếc.

- Về ki ốt bán hàng và hàng hóa kinh doanh tại ki ốt ở trong chợ thị trấn Yên Thành, gồm có:

- 1) Đồ bộ: 150 chiếc.
- 2) Áo nắng: 30 chiếc
- 3) Bộ trẻ em hàng tàu: 26 chiếc
- 4) Váy trẻ em: 17 chiếc
- 5) Áo sơ mi: 15 chiếc
- 6) Khăn màn trẻ tắm: 2 chiếc
- 7) Khăn màn nhỏ: 3 chiếc
- 8) Sơ sinh: giá 500.000đ
- 9) Quần chực hè: 150 chiếc
- 10) Quần ấm: 200 chiếc
- 11) Móc: 350 chiếc
- 12) Áo con nữ: 112 chiếc
- 13) Quần lót nữ: 100 chiếc
- 14) Áo sơ mi nam: 20 chiếc

15) Áo phong nam: 30 chiếc

16) Quần đùi nam: 20 chiếc

17) Quần ngố nam: 5 chiếc

18) Xíp: 45 chiếc

19) Áo nam: 20 chiếc

20) Quần bò: 20 chiếc.

21) 02 ky ốt bán hàng giá trị 30.000.000 đồng.

Hàng hóa trong ki ốt và ki ốt chị P đang quản lý.

Anh N cho rằng: Trong thời gian chung sống chị P rút 700.000.000 đồng tiền tiết kiệm tại Ngân Hàng B Chi nhánh D, hiện nay chị đang quản lý.

- Về nghĩa vụ tài sản chung:

1) Vay bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964, ở xóm 3 xã V, huyện Y số tiền 100.000.000 đồng, (trong đó ngày 1/10/2017 vay 70.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng; ngày 10/10/2017 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng; 20/12/2017 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 1,5%) đã thanh toán lãi đến hết tháng 10/2018. Tiền lãi tính đến ngày 08/08/2019 là 7.700.000 đồng.

2) Ngày 29/02/2018 vay bà Phan Thị H, sinh năm 1965, trú tại xóm 3, xã Văn Thành số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, tiền lãi đến 08/08/2019 là 700.000 đồng.

3) Vay Bà Chu Thị X, sinh năm 1964, trú tại: 78/9 đường Đ, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắc Lắc số tiền 180.000.000 đồng để kinh doanh (Ngày 18/09/2017 chuyển vào tài khoản số 51210000492848 tại B của chị P số tiền 100.000.000 đồng; ngày 23/09/2017 chuyển qua Bưu điện cho anh N số tiền 80.000.000 đồng) lãi suất 1%/tháng. Tính lãi suất đến ngày 23/07/2019 là 39.600.000 đồng

4) Tính đến ngày 13/05/ 2019 nợ tiền hàng (quần áo) ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989, trú tại: Khối N, xã D1, D số tiền 32.068.000 đồng.

5) Tính đến ngày 13/05/2019 nợ tiền vải anh Lê Văn Đ, trú tại: Khối 6, thị trấn C, huyện Q số tiền 15.773.000 đồng.

6) Tính đến ngày 12/06/2019 nợ tiền mua phụ kiện rèm của chị Nguyễn Thị L, trú tại thôn mới, xã Y1 huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 27.500.000 đồng, anh N đã trả 8.000.000 đồng còn 19.500.000 đồng.

7) Ngày 29/03/2019 vay bà Chu Thị L1, sinh năm 1976, trú tại khối 10 thị trấn T, huyện T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng, thời hạn vay 02 năm. Tiền lãi suất đến ngày 08/08/2019 là 6.450.000 đồng.

8) Ngày 28/06/2017 vay Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh V - Phòng Giao dịch chợ V, địa chỉ: 108 phố L, Khối 3, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An do ông Nguyễn Văn L đại diện, số tiền 600.000.000 đồng trả góp gốc và

lãi suất 14.000.000 đồng/tháng, mục đích vay để kinh doanh, trả nợ. Tính đến 13/05/2019 còn nợ 360.000.000 đồng gốc.

9) Ngày 16/03/2018 Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Q (VIB) - Chi nhánh V - Phòng Giao dịch chợ V, địa chỉ: 108 phố L, Khối 3, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An do ông Nguyễn Văn L đại diện, số tiền 380.000.000 đồng, lãi suất 0,75%/tháng , mục đích vay để kinh doanh, trả nợ. Tính đến 27/07/2019 còn nợ gốc và lãi 43.000.000 đồng.

Tổng các khoản nợ là : 1.044.249.000 đồng.

Một số khách hàng nợ vợ chồng và vợ chồng nợ gồm: Trường trung cấp kỹ thuật Y nợ 29.975.000 đồng; chị Cao Thị H trú tại xóm 4, xã H, huyện Y nợ 17.000.000 đồng; anh Phan Bá T, trú tại xóm 3, xã H nợ 4.000.000 đồng. Vợ chồng nợ chị Võ Thị H, trú tại xóm C xã D2, huyện D 8.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim S 5.000.000 đồng; Công Ty H 7.900.000 đồng; chị H8 8.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị L 8.000.000 đồng; anh Phan Văn V 3.300.000 đồng.

Anh N và chị P tự thỏa thuận giải quyết với khách hàng và không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản trên.

Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án chia tài sản bằng hiện vật theo pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 11 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P thống nhất với lời khai của anh Chu Văn N về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Theo chị Nguyễn Thị P, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N không làm chủ được bản thân, chỉ biết nghe bố mẹ. Đến ngày 13/06/2019 anh N đưa chị về ngoại sống ly thân cho tới nay.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh N xin ly hôn chị cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về con chung: Chị và anh N không có con chung.

- Về tài sản chung: Chị thống nhất tài sản chung như anh N trình bày, nhưng chị không đồng ý một số tài sản gồm.

+ 02 ki ốt tại chợ thị trấn Yên Thành là tài sản riêng của chị (có trước khi kết hôn)

+ Tài sản chung anh N khai còn thiếu (thiếu so với bản kê khai tài sản của chị) như sau:

Lắp mới cửa tầng 1, sửa chữa cửa tầng 2, sửa chữa mái do thấm.

Đất ở diện tích 135,1m² tại xóm 4, xã H, huyện Y.

Về hàng hóa tại cửa hàng Năng phượng:

1) Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,6m: 7 chiếc.

2) Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,8m: 5 chiếc.

- 3) Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,5m: 5 chiếc.
- 4) Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,4m: 1 chiếc.
- 5) Đệm Tuấn Anh (cottong) 1,6m: 1 chiếc.
- 6) Đệm Tuấn Anh (cottong) 1,8m: 2 chiếc.
- 7) Đệm Sông Hồng Gấm 1,4m: 2 chiếc.
- 8) Đệm Sông Hồng Gấm 1,5m: 2 chiếc,
- 9) Đệm Sông Hồng Gấm 1,6m: 5 chiếc.
- 10) Đệm Sông Hồng Gấm 1,8m: 3 chiếc.
- 11) Đệm Sông Hồng cottong 1,6m: 2 chiếc.
- 12) Đệm Tuấn Anh 14 phân 1,5m: 2 chiếc.
- 13) Đệm Sông Hồng cottong 1,8m: 2 chiếc.
- 14) Đệm Elan gấm 1,6m, 14P: 2 chiếc.
- 15) Đệm Elan gấm 1,6m, 9P: 5 chiếc.
- 16) Đệm Elan 1,8m: 2 chiếc.
- 17) Đệm seoul 1,6m: 11 chiếc.
- 18) Đệm seoul 1,8m: 10 chiếc.
- 19) Đệm havico 1,6m: 10 chiếc.
- 20) Đệm havico 1,8m: 05 chiếc.
- 21) Đệm Việt Hàn 1,6m: 23 chiếc.
- 22) Đệm Việt Hàn 1,8m: 15 chiếc.
- 23) Đệm Việt Hàn 1,5m: 10 chiếc.
- 24) Đệm Việt Hàn 1,4m: 08 chiếc.
- 25) Đệm Việt Hàn 1,2m: 10 chiếc.
- 26) Đệm Qni 1,4m: 3 chiếc.
- 27) Đệm Qni 1,6m: 4 chiếc.
- 28) Đệm Qni 1,5m: 3 chiếc.
- 29) Đệm San han 1,5m: 3 chiếc.
- 30) Đệm San han 1,6m: 5 chiếc.
- 31) Đệm Vinaron 1,5m: 3 chiếc.
- 32) Đệm Vinaron 1,6m: 4 chiếc.
- 33) Đệm Vinaron 1,8m: 3 chiếc.
- 34) Đệm Mastva 1,5m: 3 chiếc.
- 35) Đệm Mastva 1,6m: 3 chiếc.
- 36) Đệm Mastva 1,8m: 2 chiếc.
- 37) Đệm Mastva 2m: 2 chiếc.
- 38) Đệm Seoul 2m: 1 chiếc.
- 39) Đệm Xốp 1,2m: 5 chiếc.

- 40) Đệm Xốp 1,4m: 5 chiếc.
- 41) Đệm Xốp 1,5m: 1 chiếc.
- 42) Đệm Xốp 1,6m: 5 chiếc.
- 43) Đệm Xốp 1,8m: 3 chiếc.
- 44) Ga soa 7 món 1,6m: 22 chiếc.
- 45) Ga soa 7 món 1,8m: 20 chiếc.
- 46) Ga soa 7 món thêu nhiều 1,6m: 8 chiếc.
- 47) Ga soa 7 món thêu nhiều 1,8m: 15 chiếc.
- 48) Ga cattong 7 món erosa 1,6m: 25 chiếc.
- 49) Ga cattong 7 món erosa 1,8m: 20 chiếc.
- 50) Ga gấm 5 món hàng rẻ: 5 chiếc.
- 51) Ga gấm 5 món hàng đẹp: 5 chiếc.
- 52) Ga Lựa 5 món: 7 chiếc.
- 53) Ga Lựa 7 món hàng đẹp: 5 chiếc.
- 54) Ga hap py 1,8m: 3 chiếc x 1.200.000 = 3.600.000đ.
- 55) Ga phủ rẻ: 8 chiếc.
- 56) Ga phủ: 9 chiếc.
- 57) Ga chun trắng lợi 1,6m: 4 chiếc.
- 58) Ga chun trắng lợi 1,8m: 5 chiếc.
- 59) Ga chun 1 màu soa 1,6m: 5 chiếc.
- 60) Ga chun 1 màu soa 1,8m: 5 chiếc.
- 61) Ga Nhung 1,8m: 3 chiếc.
- 62) Ga chống thấm 2m: 8 chiếc.
- 63) Ga Chun 2m: 15 chiếc.
- 64) Ga chống thấm 1,8m: 5 chiếc.
- 65) Ruột chăn Sông Hồng: 7 chiếc.
- 66) Chăn Sông Hồng: 5 chiếc.
- 67) Chăn Đẹp: 1 chiếc.
- 68) Chăn hơi tàu 2 mặt: 4 chiếc.
- 69) Chăn hơi tàu 1 mặt: 3 chiếc.
- 70) Chăn Lông 4kg: 3 chiếc.
- 71) Chăn Lông 5kg: 3 chiếc.
- 72) Chăn Lông 6kg: 2 chiếc.
- 73) Chăn Lông 7kg: 2 chiếc.
- 74) Chăn Cừu: 3 chiếc.
- 75) Chăn Phao rẻ: 1 chiếc.
- 76) Ruột chăn Tuấn Anh: 3 chiếc.

- 77) Ruột chần ceoul: 6 chiếc.
- 78) Ruột chần đẹp tt: 9 chiếc.
- 79) Ruột chần rẻ evron: 1 chiếc.
- 80) Chần Tuyết Nhung: 3 chiếc.
- 81) Thảm trải đường 1,6m: 2 chiếc.
- 82) Thảm trải đường 1,8m: 13 chiếc.
- 83) Ruột gối evron rẻ: 20 đôi.
- 84) Ruột gối bông hạt: 15 đôi.
- 85) Ruột gối Tuấn Anh: 15 đôi.
- 86) Ruột vinaron: 8 đôi.
- 87) Ruột vuông korea: 4 đôi.
- 88) Ruột vuông Sông Hồng: 3 đôi.
- 89) Ruột vuông Tuấn Anh: 3 đôi.
- 90) Ruột gối ôm Sông Hồng: 7 chiếc.
- 91) Ruột gối ôm Tuấn Anh: 7 chiếc.
- 92) Gối ôm rẻ: 4 chiếc.
- 93) Ruột Gối ôm bông hạt: 15 chiếc.
- 94) Vỏ chần Tàu: 5 chiếc.
- 95) Vỏ chần Việt Nam: 5 chiếc.
- 96) Vỏ gối cattong: 19 chiếc.
- 97) Vỏ gối Dremlan: 10 chiếc.
- 98) Màn rẻ: 7 chiếc.
- 99) Thân màn hộp kiểu thường: 8 chiếc.
- 100) Màn khung: 4 chiếc.
- 101) Ga phủ cottong 2 món 1,6m: 5 chiếc.
- 102) Ga phủ cottong 2 món 1,8m: 5 chiếc.
- 103) Tủ moon quy phúc: 2 chiếc.
- 104) Tủ Song Long: 2 chiếc.
- 105) Khung nan kang inox: 2 chiếc.
- 106) Khung nan kang sơn: 2 chiếc.
- 107) Khung quy phúc inox: 3 chiếc.
- 108) Chần đuôi hè: 2 chiếc.
- 109) Lưỡi võng: 5 chiếc.
- 110) Thảm lông chùi chân: 11 chiếc.
- 111) Thảm rẻ: 14 chiếc.
- 112) Thảm chùi chân tàu: 9 chiếc.
- 113) Chiều điều hòa 1,6m đẹp: 4 chiếc.

- 114) Chiếu điều hòa 1,8m đẹp: 5 chiếc.
- 115) Chiếu tre và gồi tre: 5 chiếc.
- 116) Chiếu gấm và gồi gấm: 6 chiếc.
- 117) Vỏ đệm: 8 chiếc.
- 118) Bao bọc đệm: 3 chiếc.
- 119) Bàn tròn: 1 chiếc.
- 120) Bàn vuông: 5 chiếc.
- 121) Ghế inox: 60 chiếc.
- 122) Bàn nhựa: 3 chiếc.
- 123) Ghế Việt Nhật : 2 chiếc.
- 124) Ghế nằm: 1 chiếc.
- 125) Bộ hình con vật: 2 chiếc.
- 126) Ghế học sinh Việt Nhật: 10 chiếc.
- 127) Bộ khung bán giường: 5 bộ.
- 128) Hộp màn: 3 hộp.
- 129) Chân đế màn hộp: 20 chân.
- 130) Bộ bàn ghế học sinh: 3 bộ.
- 131) Sào trắng: 13 chiếc.
- 132) Chân đế: 835 chiếc.
- 133) Đầu bua: 875 chiếc.
- 134) Bát: 10 chiếc.
- 135) Trụ đôi trắng: 50 chiếc.
- 136) Trụ đôi vàng: 10 chiếc.
- 137) Trụ đôi nâu: 50 chiếc.
- 138) Nụ vén: 4 chiếc.
- 139) Méc vải: 3 chiếc.
- 140) Vòng ore vàng, trắng, ghi, nâu: 68 chiếc.
- 141) Rua vén: 5 chiếc.
- 142) Ren 5P: 5 chiếc.
- 143) Bàn là thường: 1 chiếc.
- 144) Kệ kính 1,5m rẻ: 1 chiếc.
- 145) Vải cà phê: 10 m.
- 146) Vải ghi: 8m.
- 147) Giường mẫu + bộ ga mẫu: 1 bộ.
- 148) Chiếu nam xịn 1,5m: 2 chiếc.
- 149) Chiếu nam xịn 1,8m: 2 chiếc.
- 150) Chiếu cảnh 1,2m: 1 chiếc.

- 151) Chiều cảnh 1,4m: 2 chiếc.
- 152) Chiều cảnh 1,5m: 2 chiếc.
- 153) Chiều cảnh 1,6m: 2 chiếc.
- 154) Chiều cảnh 1,8m: 3 chiếc.
- 155) Chiều lụa singapo 1,8m: 2 chiếc.
- 156) Chiều lụa singapo 1,6m: 2 chiếc.
- 157) Màn thông minh Hồng Hải 1,6m: 1 chiếc.
- 158) Màn thông minh Hồng Hải 1,8 m: 2 chiếc.
- 159) Màn khung xếp 1,8m: 2 chiếc.
- 160) Màn chụp rẻ 1,6m: 1 chiếc.
- 161) Quần áo mùa đông nam + quần áo trẻ em, giá trị 20.000.000 đồng
- Về nghĩa vụ tài sản: Chị nhất trí các khoản nợ anh N trình bày.

Chị P không đồng ý: Khoản nợ bà Chu Thị L1 200.000.000 đồng. Chị không chấp nhận vì khoản này đã tính bên nợ của bà X.

Nếu ly hôn, chị đề nghị chia tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung theo pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và anh N có quan hệ mự cháu (ruột) nên Năng có vay bà một số tiền về để kinh doanh như sau.

Ngày 01/10/2017: vay 70.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng.

Ngày 10/10/2017: vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng.

Ngày 20/12/2017: vay 20.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng.

Tổng vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi đã trả hết tháng 10/2018.

Nay anh N, chị P ly hôn. Bà yêu cầu anh N, chị P trả số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất 0,7%/ tháng từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử cho Bà.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị H trình bày:

Bà và anh N có quan hệ mự cháu (ruột) nên vợ chồng Năng có vay tiền của bà 02 lần để về kinh doanh, nhưng vợ chồng đã trả được một số nay còn nợ 15.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, đã trả tiền lãi đến tháng 11/2018.

Nay anh N, chị P ly hôn, bà yêu cầu anh N, chị P trả số tiền vay 15.000.000 đồng và lãi suất 0,7%/ tháng từ tháng 12/2018 đến ngày xét xử cho Bà.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị X trình bày:

Bà là cô ruột của Năng. Anh N, chị P vay tiền của bà 03 lần như sau:

Ngày 18/09/2017: vay 100.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm.

Ngày 23/09/2017: vay 180.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm.

Ngày 29/03/2019: vay 100.000.000 đồng, lãi suất 12%/năm.

Tổng vay là 380.000.000 đồng.

Nay anh N, chị P ly hôn, bà yêu cầu anh N, chị P trả số tiền vay 380.000.000 đồng và lãi suất 12%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử cho bà.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Anh làm nghề kinh doanh buôn bán quần áo tại xã D1, huyện D. Anh và anh N, chị P có quan hệ bạn hàng. Quá trình mua hàng anh N, chị P nợ tiền hàng của anh tính đến ngày 13/05/2019 là 32.068.000 đồng.

Nay anh N, chị P ly hôn. Anh yêu cầu anh N, chị P trả số tiền hàng 32.068.000 đồng cho anh.

Theo bản tự khai ngày 20 tháng 09 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn Đ trình bày:

Ông làm nghề buôn bán đồ tranh trí nội thất ở Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu. Ông và anh N, chị P có quan hệ mua bán hàng hóa. Quá trình mua hàng anh N, chị P nợ tiền hàng của ông như sau.

Năm 2018 còn nợ: 10.363.000 đồng.

Ngày 20/01/2019: lấy hàng còn nợ 2.445.000 đồng.

Ngày 02/02/2019: lấy hàng còn nợ 3.740.000 đồng.

Ngày 03/02/2019: lấy hàng còn nợ 366.000 đồng.

Ngày 18/05/2019: lấy hàng còn nợ 1.000.000 đồng.

Ngày 25/05/2019: lấy hàng còn nợ 759.000 đồng.

Tổng số tiền nợ: 15.773.000 đồng.

Nay anh N, chị P ly hôn. Ông yêu cầu anh N, chị P trả số tiền hàng 15.773.000 đồng cho ông.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 07 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Chu Thị L1 trình bày:

Chị và anh N có quan hệ chị em ruột. Trong quá trình kinh doanh cần vốn làm ăn Chu Văn N và vợ là Nguyễn Thị P có vay chị một khoản tiền mặt 200.000.000 đồng. Từ ngày 29/03/2019 đến nay chưa trả tiền lãi và tiền gốc, với lãi suất 9%/năm.

Nay anh N, chị P ly hôn. Chị yêu cầu anh N, chị P trả số tiền vay 200.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm từ ngày 29/03/2019 đến ngày xét xử cho chị.

Theo bản tự khai ngày 28 tháng 09 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP Q trình bày:

- Bà Nguyễn Thị P và ông Chu Văn N vay vốn tại ngân hàng TMCP Q theo HĐ tín dụng số 0162.HĐTD1-420.17 ngày 12/06/2017. Số tiền vay 380.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 09 tháng (từ ngày 17/03/2017 đến 16/03/2018). Lãi ưu đãi 8,49%/năm trong thời gian 06 tháng, lãi suất thông thường sẽ điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 1,79%/năm, phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào cuối kỳ, lãi trả hàng tháng vào ngày 27 theo dư nợ thực tế.

Tính đến ngày 07/09/2019 anh N, chị Phương đã trả 353.587.120 đồng tiền gốc và 22.627.592 đồng tiền lãi.

Dư nợ tính đến ngày 07/09/2019: Nợ gốc 26.412.880 đồng, nợ lãi 16.996.084 đồng, tổng cộng 43.408.964 đồng.

- Bà Nguyễn Thị P và ông Chu Văn N vay vốn tại ngân hàng TMCP Q theo HĐ tín dụng số 0161.HĐTD1-420.17 ngày 12/06/2017. Số tiền vay 600.000.000 đồng, mục đích sửa chữa nhà, thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 14/06/2017 đến 14/06/2022). Lãi ưu đãi 9,09%/năm trong thời gian 12 tháng, lãi suất thông thường sẽ điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ theo quy định VIB tại thời điểm điều chỉnh, phương thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 27 hàng tháng, mỗi kỳ trả 10.000.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên 27/06/2017, số còn lại trả vào ngày 14/06/2022, lãi trả vào ngày 27 hàng tháng.

Tính đến ngày 07/09/2019 anh N, chị P đã trả 270.000.000 đồng tiền gốc và 112.006.374 đồng tiền lãi.

Dư nợ tính đến ngày 07/09/2019: Nợ gốc 330.000.000 đồng, nợ lãi 0 đồng, tổng cộng 330.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 234 tờ bản đồ số 12, địa chỉ xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An, diện tích 135,1m², giấy CNQSD đất số CD 867352, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00420 do UBND huyện Y cấp ngày 25/07/2016.

Nay anh N, chị Phương ly hôn, ngân hàng yêu cầu buộc ông Năng, bà Phượng phải trả số tiền 2 khoản vay là 373.408.964 đồng (trong đó 356.412.880 đồng nợ gốc, 16.996.084 đồng nợ lãi tạm tính đến ngày 07/09/2019) tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận kể từ ngày 08/09/2019 đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay.

Nếu anh N, chị P không trả hết nợ, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để xử lý thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì yêu cầu anh N, chị P tiếp tục trả nợ cho ngân hàng.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 55, 59, 43, 60, 62, 64 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; Điều 317, 463, 466, 468, 470, 430, 431, 432, 433, 436, 440, 453 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chu Văn N.

1. Về Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị P.

2. Chia tài sản chung:

2.1. Giao anh Chu Văn N được quyền sở hữu các tài sản gồm.

1. 01 cửa hàng 2 tầng ở xóm 4, xã H, huyện Y giá trị 292.740.000 đồng.

2. 01 tủ lạnh sam sung, giá trị 3.500.000 đồng.

3. 02 Điều hòa panasonic (01 chiếc lắp ở tầng, 01 chiếc lắp ở tầng 2), giá trị 6.000.000 đồng.

4. 01 bộ bàn ghế ăn cơm, giá trị 5.000.000 đồng.

5. 02 Giường, giá trị 4.500.000 đồng (01 giường giá 1 triệu đồng, 01 giường giá 3.500.000 đồng).

6. 01 tủ quần áo 3 buồng gỗ xoan đào, giá trị 3.500.000 đồng.

7. 01 bình lọc nước uống, giá trị 4.500.000 đồng.

8. 01 máy hút mùi, giá trị 700.000 đồng.

9. 01 bình nóng lạnh, giá trị 1.200.000 đồng.

10. 01 kết sắt, giá trị 500.000 đồng.

11. 01 tủ bếp, giá trị 3.000.000 đồng.

12. 01 ti vi 43in, giá trị 3.000.000 đồng.

13. 01 bếp ga, giá trị 200.000 đồng.

14. 02 kệ kính (1 kệ 1,8m; 01 kệ 1,5m), giá trị 2.000.000 đồng

15. 01 tủ nhựa, giá trị 500.000 đồng.

16. 01 bàn trang điểm, giá trị 2.000.000 đồng.

17. 08 bộ rèm cửa, giá trị 3.600.000 đồng.

18. 01 máy giặt, giá trị 2.200.000 đồng.

19. 01 giàn phơi thông minh, giá trị 300.000 đồng.

20. 02 đệm (01 đệm 1,6m và 01 đệm 1,8m) không yêu cầu định giá

21. Sửa chữa nhà: ghép lại nền nhà, sơn tường trong nhà, ghép ri tường , sửa chữa cửa phòng ngủ tầng 1, lắp mới cửa tầng 2, làm bếp, thay đồ nhà vệ sinh (vòi hoa sen, máy bơm áp lực), trổ cửa phía sau nhà có giá trị 20.000.000 đồng

Toàn bộ những tài sản trên anh đang quản lý, tổng giá trị 358.940.000 đồng.

22. Hàng hóa tại cửa hàng kinh doanh N Phượng ở xóm 4, xã H, huyện Y, giá trị 151.628.500 đồng gồm:

- 1) Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,4m: 2 chiếc, giá trị 2.300.000 đồng.
- 2) Đệm Tuấn Anh (cottong) 1,6m: 1 chiếc, giá trị 1.250.000 đồng.
- 3) Đệm Tuấn Anh 14 phân 1,5m: 1 chiếc, giá trị 1.550.000 đồng.
- 4) Đệm seoul 1,6m: 4 chiếc, giá trị 3.600.000 đồng.
- 5) Đệm Việt Hàn 1,6m: 2 chiếc, giá trị 1.600.000 đồng.
- 6) Đệm Việt Hàn 1,4m: 2 chiếc, giá trị 1.300.000 đồng.
- 7) Đệm Qni 1,6m: 1 chiếc, giá trị 800.000 đồng.
- 8) Đệm Vinaron 1,6m: 1 chiếc, giá trị 980.000 đồng.
- 9) Đệm Mastva 2m: 1 chiếc, giá trị 1.700.000 đồng.
- 10) Đệm Seoul 2m: 2 chiếc, giá trị 4.000.000 đồng.
- 11) Đệm Xốp 1,5m: 4 chiếc, giá trị 1.040.000 đồng.
- 12) Ga soa 7 món 1,6m: 8 chiếc, giá trị 4.000.000 đồng.
- 13) Ga soa 7 món thêu nhiều 1,6m: 7 chiếc, giá trị 4.200.000 đồng.
- 14) Ga Poly phủ 5 món: 24 chiếc, giá trị 7.680.000 đồng.
- 15) Ga phủ rẻ : 2 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- 16) Ga phủ : 1 chiếc, giá trị 250.000 đồng.
- 17) Ga chun thẳng lợi 1,6m: 4 chiếc, giá trị 8.000.000 đồng.
- 18) Ga Nhung 1,6m: 3 chiếc, giá trị 540.000 đồng.
- 19) Ga chun rẻ 1,6m: 15 chiếc, giá trị 975.000 đồng.
- 20) Ga chun rẻ 1,8m: 15 chiếc, giá trị 1.050.000 đồng.
- 21) Ga chống thấm 1,6m: 15 chiếc, giá trị 1.050.000 đồng.
- 22) Ruột chăn Sông Hồng: 1 chiếc, giá trị 450.000 đồng.
- 23) Chăn To To: 2 chiếc, giá trị 460.000 đồng.
- 24) Chăn Đẹp: 1 chiếc, giá trị 400.000 đồng.
- 25) Chăn Lông 3kg: 3 chiếc, giá trị 870.000 đồng.
- 26) Chăn Lông 5kg: 2 chiếc, giá trị 900.000 đồng.
- 27) Chăn Cừu : 7 chiếc, giá trị 1.820.000 đồng.
- 28) Chăn Phao rẻ : 2 chiếc, giá trị 170.000 đồng.
- 29) Ruột chăn rẻ evron: 8 chiếc, giá trị 680.000 đồng.
- 30) Chăn len 2kg: 4 chiếc, giá trị 680.000 đồng.
- 31) Chăn Tuyết Nhung : 2 chiếc, giá trị 190.000 đồng.

- 32) Chăn Tuyết trẻ em : 5 chiếc, giá trị 475.000 đồng.
- 33) Thảm trải đường 1,6m : 10 chiếc, giá trị 1.200.000 đồng.
- 34) Thảm trải đường 1,8m: 1 chiếc, giá trị 130.000 đồng.
- 35) Ruột gối evron rẻ : 15 đôi, giá trị 675.000 đồng.
- 36) Ruột gối bông hạt : 5 đôi, giá trị 275.000 đồng.
- 37) Ruột korea : 15 đôi, giá trị 975.000 đồng.
- 38) Ruột vinaron: 2 đôi, giá trị 150.000 đồng.
- 39) Ruột Vương korea : 6 đôi, giá trị 330.000 đồng.
- 40) Gối ôm rẻ : 6 chiếc, giá trị 330.000 đồng.
- 41) Vỏ gối trẻ em : 20 chiếc, giá trị 160.000 đồng..
- 42) Vỏ gối rẻ : 40 chiếc, giá trị 400.000 đồng.
- 43) Vỏ gối so tin : 50 chiếc, giá trị 2.750.000 đồng.
- 44) Vỏ gối cattong : 11 chiếc, giá trị 1.045.000 đồng.
- 45) Màn rẻ : 3 chiếc, giá trị 405.000 đồng.
- 46) Thân màn hộp kiểu thường: 7 chiếc, giá trị 910.000 đồng.
- 47) Thân màn hộp đẹp: 15 chiếc, giá trị 2.700.000 đồng.
- 48) Màn khung : 6 chiếc, giá trị 2.340.000 đồng.
- 49) Màn hồng hải: 2 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- 50) Vải màn màu hồng: 30m, giá trị 315.000 đồng..
- 51) Ren đẹp 30P: 13m, giá trị 143.000 đồng.
- 52) Ren đẹp 5P: 38m, giá trị 380.000 đồng.
- 53) Khung nan khung sơn: 1 chiếc, giá trị 200.000 đồng.
- 54) Chăn hè chân: 2 chiếc, giá trị 360.000 đồng.
- 55) Chăn đùi hè: 3 chiếc, giá trị 690.000 đồng.
- 56) Thảm lông chùi chân: 4 chiếc, giá trị 220.000 đồng.
- 57) Thảm rẻ: 1 chiếc, giá trị 25.000 đồng.
- 58) Thảm chùi chân tàu: 1 chiếc, giá trị 85.000 đồng.
- 59) Chiếu điều hòa 1,6m đẹp: 3 chiếc, giá trị 1.050.000 đồng.
- 60) Chiếu gấm và gối gấm: 1 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- 61) Vỏ đệm: 2 chiếc, giá trị 180.000 đồng.
- 62) Màn khung rẻ: 3 chiếc, giá trị 870.000 đồng.
- 63) Ghế da: 5 chiếc, giá trị 1.000.000 đồng.
- 64) Bàn tròn: 1 chiếc, giá trị 530.000 đồng.
- 65) Bàn nhựa: 2 chiếc, giá trị 180.000 đồng.
- 66) Ghế Việt Nhật : 3 chiếc, giá trị 252.000 đồng.
- 67) Ghế nằm: 1 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- 68) Bô đựng rác: 2 chiếc, giá trị 120.000 đồng.

- 69) Chậu tắm: 2 chiếc, giá trị 160.000 đồng..
- 70) Do để đồ: 2 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- 71) Ghế nhựa thấp: 7 chiếc, giá trị 140.000 đồng.
- 72) Bộ hình con vật: 1 chiếc, giá trị 90.000 đồng.
- 73) Bộ khung Màn rê: 5 bộ, giá trị 1.175.000 đồng.
- 74) Hộp màn: 7 hộp, giá trị 2.450.000 đồng.
- 75) Sào vàng: 30 chiếc, giá trị 4.740.000 đồng.
- 76) Sào nâu: 15 chiếc, giá trị 2.370.000 đồng.
- 77) Sào trắng: 02 chiếc, giá trị 316.000 đồng.
- 78) Chân đế: 165 chiếc, giá trị 693.000 đồng.
- 79) Đầu bua: 125 chiếc, giá trị 562.500 đồng.
- 80) Trụ trần: 74 chiếc, giá trị 592.000 đồng.
- 81) Bát: 40 chiếc, giá trị 320.000 đồng.
- 82) Trụ đôi vàng: 40 chiếc, giá trị 320.000 đồng.
- 83) Nụ vén: 1 chiếc, giá trị 65.000 đồng.
- 84) Méc vải: 7 chiếc, giá trị 644.000 đồng.
- 85) Méc nhựa: 15 chiếc, giá trị 675.000 đồng.
- 86) Vòng ore vàng, trắng, ghi, nâu: 32 bịch, giá trị 1.536.000 đồng.
- 87) Rua vén: 95 chiếc, giá trị 1.710.000 đồng.
- 88) Ren rê: 15 chiếc, giá trị 375.000 đồng.
- 89) Ren đẹp: 15 chiếc, giá trị 1.350.000 đồng.
- 90) Băng dán 2 mặt làm yếm: 20 chiếc, giá trị 1.000.000 đồng.
- 91) 01 Máy dập viên, giá trị 21.000.000 đồng
- 92) 01 Máy may, giá trị 4.000.000 đồng.
- 93) 01 Máy vắt sỏ, giá trị 1.700.000 đồng.
- 94) 01 Bàn là hơi, giá trị 700.000 đ; 01 bàn là thường, giá trị 350.000 đồng.
- 95) 01 Máy đục lỗ, giá trị 1.200.000 đồng.
- 96) 01 Máy cắt to, giá trị 1.400.000 đồng.
- 97) 01 Máy bắn vít, giá trị 480.000 đồng.
- 98) 01 Máy khoan, giá trị 850.000 đồng.
- 99) Sô fa ghi xám + vc: 1 chiếc, giá trị 4.300.000 đồng.
- 100) Sô fa da vải nâu + vc: 1 chiếc, giá trị 4.700.000 đồng.
- 101) Sô fa xanh chân + vc: 1 chiếc, giá trị 3.000.000 đồng.
- 104) Kệ kính 1,5m rê: 1 chiếc (hỏng)
- 105) Giường mẫu + bộ ga mẫu: 1 bộ , giá trị 2.000.000 đồng.
- 106) Chiếu nam xịn 1,6m: 2 chiếc, giá trị 660.000 đồng.
- 107) Chiếu cảnh 1,2m: 1 chiếc, giá trị 170.000 đồng.

- 108) Chiếu cảnh 1,6m: 1 chiếc, giá trị 200.000 đồng.
- 109) Màn thông minh Hồng Hải 1,6m: 1 chiếc, giá trị 380.000 đồng.
- 110) Màn khung xếp 1,6m: 4 chiếc, giá trị 520.000 đồng.
- 111) Màn khung xếp 1,8m: 2 chiếc, giá trị 270.000 đồng.
- 112) Màn chụp rê 1,6m: 1 chiếc, giá trị 90.000 đồng.
- 113) 03 kệ sắt để hàng hóa, giá trị 6.000.000 đồng.
- 114) Hệ thống rèm trang trí, giá trị 6.000.000 đồng.

22. Tài sản hàng hóa anh N đã chuyển đi:

- 1) 05 bộ ga soa tin giá trị 2.500.000 đồng.
- 2) 06 bộ ga soa tin đơn giá trị 3.000.000 đồng.
- 3) 11 thân màn hộp giá trị 1.980.000 đồng.
- 4) 20 bịch vòng ghi giá trị 960.000 đồng.
- 5) 20 bịch vòng nâu giá trị 960.000 đồng.
- 6) 120 đầu vua trắng nâu giá trị 540.000 đồng.
- 7) 120 chân trắng nâu giá trị 504.000 đồng.
- 8) 02 nệm soul giá trị 1.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 12.244.000 đồng.

Toàn bộ những tài sản trên anh N đang quản lý.

Tổng giá trị tài sản 522.792.500đ (Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

3.2. Giao chị Nguyễn Thị P được quyền sở hữu các tài sản (hàng hóa) tại Ki ốt kinh doanh ở trong chợ thị trấn Yên Thành gồm.

- 1) Đồ bộ: 150 chiếc, giá trị 1.500.000 đồng.
- 2) Áo nắng: 30 chiếc, giá trị 510.000 đồng.
- 3) Bộ trẻ em hàng tàu: 26 chiếc, giá trị 1.170.000 đồng.
- 4) Váy trẻ em: 17 chiếc, giá trị 1.020.000 đồng.
- 5) Áo sơ mi: 15 chiếc, giá trị 750.000 đồng.
- 6) Khăn màn trẻ tắm: 2 chiếc, giá trị 38.000 đồng.
- 7) Khăn màn nhỏ: 3 chiếc, giá trị 57.000 đồng.
- 8) Sơ sinh: giá 500.000đ
- 9) Quần chực hè: 150 chiếc, giá trị 450.000 đồng.
- 10) Quần ấm: 200 chiếc, giá trị 800.000 đồng.
- 11) Móc: 350 chiếc, giá trị 1.225.000 đồng.
- 12) Áo con nữ: 112 chiếc, giá trị 2.240.000 đồng.
- 13) Quần lót nữ: 100 chiếc, giá trị 900.000 đồng.
- 14) Áo sơ mi nam: 20 chiếc, giá trị 2.000.000 đồng.
- 15) Áo phong nam: 30 chiếc, giá trị 900.000 đồng.

16) Quần đùi nam: 20 chiếc, giá trị 400.000 đồng.

17) Quần ngố nam: 5 chiếc, giá trị 350.000 đồng.

18) Xip: 45 chiếc, giá trị 585.000 đồng.

19) Áo nam: 20 chiếc, giá trị 460.000 đồng.

20) Quần bò: 20 chiếc, giá trị 2.700.000 đồng.

Toàn bộ những tài sản trên chị P đang quản lý.

Tổng giá trị tài sản 18.550.000 (Mười tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Hàng hóa trong ký ốt chị P đang quản lý.

3.3. Chị Nguyễn Thị P phải trả cho anh Chu Văn N phần tiền chênh lệch tài sản là 13.568.750 (Mười ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng.

4. Chia nghĩa vụ tài sản chung:

4.1. Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả tiền cho:

- Bà Nguyễn Thị L số tiền 111.760.000 (Một trăm mười một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng, tiền lãi suất: 11.760.000 đồng.

-Bà Phan Thị H số tiền 16.660.000 (Mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 15.000.000 đồng, tiền lãi suất: 1.660.000 đồng.

- Bà Chu Thị L1 số tiền 217.901.000 (Hai trăm mười bảy triệu, chín trăm linh một nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 200.000.000 đồng, Tiền lãi suất: 17.901.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn N số tiền mua hàng 32.068.000 (Ba mươi hai triệu, không trăm, sáu mươi tám nghìn) đồng.

-Anh Lê Văn Đ số tiền mua hàng 15.773.000 (Mười lăm triệu, bảy trăm, bảy mươi ba nghìn) đồng.

4.2. Buộc anh Chu Văn N phải trả tiền cho:

- Bà Chu Thị X số tiền 476.328.000 (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 380.000.000 đồng, Tiền lãi suất: 96.328.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Lân số tiền mua hàng 19.500.000 (Mười chín triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Anh N phải chịu số tiền trả cho Ngân Hàng TMCP Q là 429.714.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2020, bị đơn là chị Nguyễn Thị P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 27/2020/HNGĐ-ST ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An với 03 nội dung sau:

1. Chị không đồng ý với bản án sơ thẩm khi nhận định thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại Lùm Hoa, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An là tài sản riêng của anh Chu Văn N mà đây là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại để bảo đảm quyền lợi cho chị.

2. Chị Nguyễn Thị P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Chu Văn N phải chịu trách nhiệm về số hàng hóa tẩu tán trước khi Tòa án về kiểm đếm.

3. Chị Nguyễn Thị P không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà Chu Thị L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị P bổ sung nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu buộc trả nợ cho bà Long thì không buộc trả nợ cho bà Xoan. Chị P rút nội dung kháng cáo buộc anh Chu Văn N phải chịu trách nhiệm về số hàng hóa tẩu tán trước khi Tòa án về kiểm đếm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P cho rằng thửa đất số 234 là tài sản chung của vợ chồng, thể hiện tại văn bản thỏa nhận nhập tài sản riêng vào tài sản chung do anh N và chị P lập tại Văn phòng công chứng Thành An. Tại phiên tòa anh N cũng đã thừa nhận có ký vào văn bản này và có biết nội dung.

Đối với khoản nợ bà Xoan, giấy vay nợ viết cùng ngày với ngày bà Xoan chuyển tiền, bà Xoan yêu cầu chị P phải viết giấy tại chị Long, và thực tế ngày viết giấy bà Long chỉ đưa 70 triệu đồng. Yêu cầu Hội đồng xét xử chỉ buộc trả nợ cho một người.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem lại phần án phí, khoản nợ Ngân hàng đã trả nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn buộc phải chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật.

Anh Chu Văn N không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị P, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Chu Thị X cho rằng: thực tế có việc bà Xoan và anh N thỏa thuận góp tiền mua đất, thể hiện ngày 25/5/2016 bà Xoan thanh toán cho ông Hạng 450 triệu đồng, ngày 3/6/2016 chuyển vào tài khoản của ông Hạng 650 triệu đồng. Đây là giao dịch dân sự hợp pháp đảm bảo đúng quy định tại Điều 117, 118 Bộ luật dân sự, vì vậy bà Xoan là người có quyền lợi hợp pháp đối với thửa đất 234. Văn bản thỏa thuận ngày 12/6/2017 là giao dịch giả tạo, mục đích chỉ để hợp thức hóa việc chịu trách nhiệm chung tại hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng của vợ chồng anh N, chị P. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy văn bản thỏa thuận ngày 12/6/2017, bác yêu cầu chia tài sản chung của chị P đối với thửa đất 234, công nhận giao dịch dân sự góp tiền mua đất của anh N và bà Xoan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị P, sửa sơ thẩm theo hướng xác định thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1m² tại Lùm Hoa, xóm 3, xã H, huyện Y là tài sản chung của vợ chồng anh N, chị P. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội

dung kháng cáo của chị P buộc anh N phải chịu trách nhiệm về sổ hàng hóa tẩu tán trước khi Tòa án về kiểm đếm.

Do bản án sơ thẩm có vi phạm về án phí và trong quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm có giải quyết chia thừa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1m² tại Lùm Hoa, xóm 3, xã H, huyện Y nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa về án phí cho phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong hạn luật định, chủ thể kháng cáo đúng quy định, người kháng cáo đã nộp dự phí đầy đủ nên có cơ sở để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H, ông Nguyễn Văn N, anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị Lân, chị Nguyễn Thị H, Ngân hàng TM-CP Q, Chi nhánh V - Phòng Giao dịch chợ V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị P rút nội dung kháng cáo buộc anh Chu Văn N phải chịu trách nhiệm về sổ hàng hóa tẩu tán trước khi Tòa án về kiểm đếm. Vì vậy, cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này theo quy định tại khoản 3, điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị P:

[2.1] Đối với nội dung về thừa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại Lùm Hoa, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 867352 thì thửa đất số 234 nói trên được cấp cho anh Chu Văn N ngày 25/7/2016, thời điểm này anh N chưa kết hôn với chị P. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chị P cho rằng anh N đã có văn bản nhập thửa đất này vào tài sản chung của vợ chồng nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, anh N cũng không thừa nhận đã nhập thửa đất nói trên vào tài sản chung vợ chồng, và cho rằng thửa đất là tài sản riêng của anh có trước khi vợ chồng đăng ký kết hôn. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào điều 43, khoản 4 Điều 59, khoản 1 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình để anh N được quyền quản lý, sử dụng phần tài sản riêng của mình là thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại Lùm Hoa, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm ngày 03/8/2020 chị P giao nộp cho Tòa án bản sao có công chứng văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung ngày 12/6/2017. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị P trình bày lý do quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, sơ dĩ chị không xuất trình được văn bản này là do anh N giữ, sau khi xét xử sơ thẩm,

chị mới đến Văn phòng công chứng T và được biết văn bản được lưu ở đây nên chị đề nghị Văn phòng cung cấp và nộp cho Tòa án tỉnh Nghệ An.

Tại văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung ngày 12/6/2017 có nội dung: Anh Chu Văn N tự nguyện nhập toàn bộ tài sản riêng của mình là thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m², địa chỉ thửa đất tại L, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 867352 do Ủy ban nhân dân huyện Yên Thành cấp ngày 25/7/2016 vào tài sản chung của vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, văn bản này được lập trên ý chí tự nguyện của anh N, chị P, được công chứng tại Văn phòng công chứng Th ngày 12/6/2017 đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm đó anh N, chị P còn là vợ chồng, cả hai đều có năng lực hành vi dân sự, tại phiên tòa, anh N cũng thừa nhận biên bản thỏa thuận nói trên là có thật, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị P.

Trên cơ sở thẩm định, định giá, thửa đất số 234 có diện tích 135,1 m², trong đó 134 m² đất ở và 1,1 m² đất vườn; đơn giá đất ở 18.000.000 đồng/ m², thành tiền là 18.000.000 đồng x 134 m² = 2.412.000.000 đồng; đơn giá đất vườn 9.000.000 đồng/ m², thành tiền là 9.000.000 đồng x 1,1 m² = 9.900.000 đồng. Tổng cộng giá trị đất ở và đất vườn đối với thửa đất số 234 là: 2.421.900.000 (Hai tỉ, bốn trăm hai mươi một triệu, chín trăm ngàn) đồng.

Bản án sơ thẩm đã tuyên giao cho anh Chu Văn N được quyền sở hữu 01 cửa hàng 2 tầng ở xóm 4 xã H, huyện Y, cửa hàng này nằm trên thửa đất số 234 nói trên. Vì vậy, Tòa án cấp phúc giữ nguyên như cách giao của Tòa án cấp sơ thẩm và giao cho anh N quyền sử dụng thửa đất số 234 có diện tích 135,1 m² và trích tiền giá trị đất cho chị P. Xét thấy, do nguồn gốc đất là của anh Chu Văn N tạo lập trước khi kết hôn nên Hội đồng xét xử phân chia cho anh N phần nhiều hơn để đảm bảo quyền lợi cho anh N. Cụ thể anh N được chia giá trị đất 1.421.900.000 và chị P được chia giá trị đất 1.000.000.000 đồng.

Từ các căn cứ nêu trên Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần chia tài sản cụ thể như sau:

- Giao anh N sở hữu nhà ở, các tài sản trong nhà ở, Cửa hàng N, hàng hóa, máy móc thiết bị trong cửa hàng, hàng hóa anh N đã chuyển đi mà hiện anh N đang quản lý có tổng giá trị 522.792.500 đồng.

Giao anh N quyền sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại Lùm Hoa, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An nhưng phải trích cho chị P số tiền 1.000.000.000 đồng.

Giao anh N trả nợ cho bà X 476.328.000 đồng; trả nợ cho bà Lân 19.500.000 đồng.

Nhận tại chị P số tiền 13.568.750 đồng chênh lệch tài sản.

- Giao chị P sở hữu hàng hóa tại 2 ki ốt trong chợ thị trấn Y mà hiện chị đang quản lý có tổng giá trị 18.550.000 đồng.

Giao chị P trả nợ cho bà L 111.760.000 đồng; trả nợ cho bà H 16.660.000 đồng; trả nợ cho ông N 32.068.000 đồng; trả nợ cho anh Đình 15.773.000 đồng; trả nợ cho bà L 217.901.000 đồng.

Chị P trả tiền chênh lệch tài sản cho anh N là 13.568.750 đồng.

Nhận tại anh N số tiền 1.000.000.000 đồng giá trị đất được chia

[2.2] Đối với nội dung về số hàng hóa anh Chu Văn N chuyển đi trước khi Tòa án về thẩm định, định giá:

Chị P không đồng ý với bản án sơ thẩm về số lượng hàng hóa anh N chuyển đi trước khi Tòa án về thẩm định, định giá. Theo chị số lượng hàng hóa này phải nhiều hơn và có giá trị lớn hơn, khoảng 350.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị P đã cung cấp chứng cứ hình ảnh nhưng không xác định được thời gian, địa điểm, nguồn gốc chứng cứ, hình ảnh không rõ, không chứng minh được hàng và số lượng đã chuyển là cái gì, số lượng bao nhiêu. Anh N thừa nhận anh có chuyển đi một số mặt hàng nhưng không chứng minh được đây là tài sản riêng của anh nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xác định số hàng hóa anh N chuyển đi thuộc tài sản chung vợ chồng bao gồm: 05 bộ ga soa tin, 06 bộ ga soa tin đơn, 11 thân màn hộp, 20 bịch vòng ghi, 20 bịch vòng nâu, 120 đầu vua trắng nâu, 120 chân trắng nâu, 02 nệm soul.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị P không xuất trình được căn cứ chứng minh mới, nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị.

[2.3] Đối với nội dung về khoản tiền nợ của bà Chu Thị L1:

Theo chị P, ngày 29/3/2019, vợ chồng chị có viết giấy vay tiền của bà Chu Thị L1 có địa chỉ tại khối 10, thị trấn T với số tiền là 200.000.000 đồng. Nhưng số tiền này bà Long chưa chuyển cho vợ chồng chị, vợ chồng chị cũng không ký là đã nhận đủ tiền nên chị không đồng ý trả số tiền này cho bà Chu Thị L1.

Căn cứ vào giấy vay nợ viết tay ngày 29/3/2019 có ký tên chồng: Chu Văn N, vợ Nguyễn Thị P, do chị Nguyễn Thị P viết, việc viết giấy trên cơ sở hai bên tự thỏa thuận, tự nguyện, không ai bị ép buộc, thể hiện ý chí của các bên, giao dịch được thiết lập kể từ thời điểm ký kết. Việc chị P kháng cáo cho rằng vợ chồng chị phải ký là “đã nhận đủ tiền” thì chị mới đồng ý trả số tiền này cho bà Long là không có cơ sở. Bà Chu Thị L1 và anh Chu Văn N cũng không đồng ý với ý kiến trên của chị P. Tại phiên tòa phúc thẩm chị P cũng không xuất trình được căn cứ mới để chứng minh việc bà Long chưa chuyển số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng chị. Do đó, yêu cầu của chị không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bà Chu Thị X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết quyền lợi của bà trong căn nhà và quyền sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại L, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An theo tỉ lệ phần trăm số tiền bà đã đóng góp để mua thửa đất. Bà X cho rằng, bà là người đứng ra giao dịch và trả tiền cho người chuyển nhượng đất là ông Phan Trọng H, năm 2016 bà đã chuyển khoản cho ông H 650 triệu và đưa trực tiếp cho ông H 450 triệu đồng, anh N chỉ thanh toán cho ông H số tiền 300 triệu đồng. Kèm theo yêu cầu là các tài liệu: Ủy nhiệm chi, Chứng từ giao dịch, Giấy biên nhận tiền thể hiện đã giao tiền cho ông Phan Trọng H 1,4 tỉ đồng (trong đó bà giao 1,1 tỉ đồng, anh N giao 300 triệu đồng). Lời khai của bà X không phù hợp với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và anh N về số tiền chuyển nhượng, hình thức thanh toán và thời gian thanh toán. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất ngày 27/5/2016 thể hiện: Bên chuyển nhượng ông Phan Trọng H và bà Nguyễn Thị H (bên A), bên nhận chuyển nhượng là anh Chu Văn N (bên B), Bên A chuyển nhượng cho bên B quyền sử dụng thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại Lùm Hoa, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An, giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất 500.000.000 đồng, giá trị chuyển nhượng nhà và các tài sản gắn liền 100.000.000 đồng, tổng giá trị chuyển nhượng là 600.000.000 đồng, Hợp đồng được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H, do đó lời khai của bà X không có căn cứ chấp nhận.

Tại đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 10/6/2016 tại phần kê khai của người đăng ký thể hiện người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất là anh Chu Văn N. Mặt khác, hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Trọng H và anh Chu Văn N không có một văn bản nào thể hiện có sự thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa bà Xoan và ông H; đương sự cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh việc bà X thỏa thuận cho anh N đứng tên thửa đất nêu trên.

Ngày 25/5/2016 Ủy ban nhân dân huyện Y đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với anh Chu Văn N.

Ngày 01/5/2017 anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Ngày 12/6/2017 anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị P lập văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung vợ chồng tại Văn phòng công chứng Thành An, địa chỉ số 55 đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An đối với thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại L, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ

An. Vợ chồng anh N, chị P đã xây dựng nhà cửa sinh sống trên thửa đất này nhưng không có ai khiếu nại gì.

Như vậy, suốt cả quá trình từ khi nhận chuyển nhượng cho đến khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại L, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An không liên quan đến quyền lợi của bà Chu Thị X và bà cũng không có ý kiến gì. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà X tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có ý kiến đề nghị gì và cũng không có yêu cầu độc lập tranh chấp đối với thửa đất số 234 và tài sản gắn liền với đất, mà chỉ có ý kiến đối với khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận nội dung đề nghị của bà Chu Thị X, bà Xoan có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm Ngân hàng VIB có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh N chị P trả số tiền 429.714.000 đồng (Cấp sơ thẩm chưa thụ lý yêu cầu này), anh N đã thanh toán cho Ngân hàng Q trước thời điểm xét xử sơ thẩm, lẽ ra cấp sơ thẩm phải nhận định về nội dung này và không xem xét khoản nợ này, nhưng bản án sơ thẩm vẫn buộc anh N phải trả cho Ngân hàng số tiền trên là không đúng quy định pháp luật, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí:

Điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định:

"6) Trường hợp đương sự đề nghị chia tài sản chung, chia di sản thừa kế mà cần xem xét việc thực hiện nghĩa vụ về tài sản với bên thứ ba từ tài sản chung, di sản thừa kế đó thì:

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba; các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án".

Trong vụ án này, tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng giá trị tài sản chung của anh Chu Văn N và chị Nguyễn Thị P là 541.342.500 đồng; anh N và chị P có nghĩa vụ phải thanh toán tổng số nợ là 889.990.000 đồng (chị P phải trả 394.162.000 đồng; anh N phải trả 495.828.000 đồng). Mỗi người phải chịu số tiền án phí đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ đối với bên thứ ba là 39.599.600 đồng : 2 = 19.799.800 đồng. Do anh N được chia tài sản trị giá 522.792.500 và được hưởng tiền chênh lệch tài sản 13.568.750 đồng, tổng tài sản anh N được chia được hưởng là 536.361.250 nên anh N phải chịu án phí chia tài sản (536.361.250 đồng - 495.828.000 đồng) x 5% = 2.026.662 đồng. Do đó anh N phải chịu án phí là 21.826.462 đồng; chị P phải chịu án phí là 19.799.800 đồng. Nhưng bản án sơ

thẩm buộc anh N , chị P mỗi người phải chịu án phí 36.694.960 đồng là không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, xác định thửa đất 234 là tài sản chung, chia cho anh N và chị P nên cần xác định lại án phí theo quy định điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nêu trên để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên. Cụ thể:

- Anh N được chia tài sản 522.792.500 đồng + 13.568.750 đồng + 1.421.900.000 (trị giá đất) = 1.958.261.250 đồng nên phần tài sản được chia sau khi trừ nợ là (1.958.261.250 đồng - 495.828.000 đồng tiền trả nợ) = 1.462.433.250 đồng nên phải chịu án phí tài sản được chia là 55.872.997 đồng + án phí trả nợ chung là 19.799.800 đồng = 75.672.797 đồng (tổng án phí phải chịu)

- Chị P được chia tài sản trị giá 18.550.000 đồng - trích chênh lệch tài sản cho anh N 13.568.750 đồng + tiền giá trị đất anh N trích 1.000.000.000 đồng - 394.162.000 đồng trả nợ = 610.819.250 đồng nên phải chịu án phí tài sản là 28.432.770 đồng + án phí trả nợ chung 19.799.800 đồng = 48.232.570 đồng (tổng án phí phải chịu).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị P buộc anh Chu Văn N phải chịu trách nhiệm về số hàng hóa tẩu tán trước khi Tòa án về kiểm đếm.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị P; Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 55, 59, 43, 60, 62, 64 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; Điều 317, 463, 466, 468, 470, 430, 431, 432, 433, 436, 440, 453 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị P, công nhận thửa đất số 234 tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại L, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An là tài sản chung vợ chồng.

Bác kháng cáo của chị Nguyễn Thị P về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Chu Văn N phải chịu trách nhiệm về số hàng hóa tẩu tán trước khi Tòa án về kiểm đếm.

Bác kháng cáo của chị Nguyễn Thị P về việc không chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà Chu Thị L1.

1. Chia tài sản chung:

1.1. Giao anh Chu Văn N được quyền sở hữu các tài sản gồm:

- Thửa đất số 234, tờ bản đồ số 12, diện tích 135,1 m² tại Lùm Hoa, xóm 4, xã H, huyện Y, tỉnh Nghệ An giá trị 2.421.900.000 (Hai tỉ, bốn trăm hai một triệu, chín trăm nghìn) đồng nhưng phải trích trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng.

- 01 cửa hàng 2 tầng ở xóm 4, xã H, huyện Y giá trị 292.740.000 đồng.

- 01 tủ lạnh sam sung, giá trị 3.500.000 đồng.

- 02 điều hòa panasonic (01 chiếc lắp ở tầng, 01 chiếc lắp ở tầng 2), giá trị 6.000.000 đồng.

- 01 bộ bàn ghế ăn cơm, giá trị 5.000.000 đồng.

- 02 giường, giá trị 4.500.000 đồng (01 giường giá 1 triệu đồng, 01 giường giá 3.500.000 đồng).

- 01 tủ quần áo 3 buồng gỗ xoan đào, giá trị 3.500.000 đồng.

- 01 bình lọc nước uống, giá trị 4.500.000 đồng.

- 01 máy hút mùi, giá trị 700.000 đồng.

- 01 bình nóng lạnh, giá trị 1.200.000 đồng.

- 01 kết sắt, giá trị 500.000 đồng.

- 01 tủ bếp, giá trị 3.000.000 đồng.

- 01 ti vi 43inch, giá trị 3.000.000 đồng.

- 01 bếp ga, giá trị 200.000 đồng.

- 02 kệ kinh (1 kệ 1,8m; 01 kệ 1,5m), giá trị 2.000.000 đồng

- 01 tủ nhựa, giá trị 500.000 đồng.

- 01 bàn trang điểm, giá trị 2.000.000 đồng.

- 08 bộ rèm cửa, giá trị 3.600.000 đồng.

- 01 máy giặt, giá trị 2.200.000 đồng.

- 01 giàn phơi thông minh, giá trị 300.000 đồng.

- 02 đệm (01 đệm 1,6 m và 01 đệm 1,8 m) không yêu cầu định giá

- Sửa chữa nhà: ghép lại nền nhà, sơn tường trong nhà, ghép ri tường, sửa chữa cửa phòng ngủ tầng 1, lắp mới cửa tầng 2, làm bể bếp, thay đồ nhà vệ sinh (vòi hoa sen, máy bơm áp lực), trổ cửa phía sau nhà có giá trị 20.000.000 đồng

Toàn bộ những tài sản trên anh đang quản lý, tổng giá trị 358.940.000 (Ba trăm năm tám triệu chín trăm bốn mươi ngàn) đồng.

- Hàng hóa tại cửa hàng kinh doanh N Phượng ở xóm 4, xã H, huyện Y, giá trị 151.628.500 (Một trăm năm một triệu sáu trăm hai tám ngàn năm trăm) đồng gồm:

- + Đệm Tuấn Anh (gấm) 1,4m: 2 chiếc, giá trị 2.300.000 đồng.
- + Đệm Tuấn Anh (cottong) 1,6m: 1 chiếc, giá trị 1.250.000 đồng.
- + Đệm Tuấn Anh 14 phân 1,5m: 1 chiếc, giá trị 1.550.000 đồng.
- + Đệm seoul 1,6m: 4 chiếc, giá trị 3.600.000 đồng.
- + Đệm Việt Hàn 1,6m: 2 chiếc, giá trị 1.600.000 đồng.
- + Đệm Việt Hàn 1,4m: 2 chiếc, giá trị 1.300.000 đồng.
- + Đệm Qni 1,6m: 1 chiếc, giá trị 800.000 đồng.
- + Đệm Vinaron 1,6m: 1 chiếc, giá trị 980.000 đồng.
- + Đệm Mastva 2m: 1 chiếc, giá trị 1.700.000 đồng.
- + Đệm Seoul 2m: 2 chiếc, giá trị 4.000.000 đồng.
- + Đệm Xốp 1,5m: 4 chiếc, giá trị 1.040.000 đồng.
- + Ga soa 7 món 1,6m: 8 chiếc, giá trị 4.000.000 đồng.
- + Ga soa 7 món thêu nhiều 1,6m: 7 chiếc, giá trị 4.200.000 đồng.
- + Ga Poly phủ 5 món: 24 chiếc, giá trị 7.680.000 đồng.
- + Ga phủ rẻ : 2 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- + Ga phủ : 1 chiếc, giá trị 250.000 đồng.
- + Ga chun thẳng lợi 1,6m: 4 chiếc, giá trị 8.000.000 đồng.
- + Ga Nhung 1,6m: 3 chiếc, giá trị 540.000 đồng.
- + Ga chun rẻ 1,6m: 15 chiếc, giá trị 975.000 đồng.
- + Ga chun rẻ 1,8m: 15 chiếc, giá trị 1.050.000 đồng.
- + Ga chống thấm 1,6m: 15 chiếc, giá trị 1.050.000 đồng.
- + Ruột chần Sông Hồng: 1 chiếc, giá trị 450.000 đồng.
- + Chăn To To: 2 chiếc, giá trị 460.000 đồng.
- + Chăn Đẹp: 1 chiếc, giá trị 400.000 đồng.
- + Chăn Lông 3kg: 3 chiếc, giá trị 870.000 đồng.
- + Chăn Lông 5kg: 2 chiếc, giá trị 900.000 đồng.
- + Chăn Cừu : 7 chiếc, giá trị 1.820.000 đồng.
- + Chăn Phao rẻ : 2 chiếc, giá trị 170.000 đồng.
- + Ruột chần rẻ evron: 8 chiếc, giá trị 680.000 đồng.
- + Chăn len 2kg: 4 chiếc, giá trị 680.000 đồng.
- + Chăn Tuyết Nhung : 2 chiếc, giá trị 190.000 đồng.
- + Chăn Tuyết trẻ em : 5 chiếc, giá trị 475.000 đồng.
- + Thảm trải đường 1,6m : 10 chiếc, giá trị 1.200.000 đồng.
- + Thảm trải đường 1,8m: 1 chiếc, giá trị 130.000 đồng.
- + Ruột gói evron rẻ : 15 đôi, giá trị 675.000 đồng.
- + Ruột gói bông hạt : 5 đôi, giá trị 275.000 đồng.
- + Ruột korea : 15 đôi, giá trị 975.000 đồng.

- + Ruột vinaron: 2 đôi, giá trị 150.000 đồng.
- + Ruột Vuông korea : 6 đôi, giá trị 330.000 đồng.
- + Gối ôm rẻ : 6 chiếc, giá trị 330.000 đồng.
- + Vỏ gối trẻ em : 20 chiếc, giá trị 160.000 đồng..
- + Vỏ gối rẻ : 40 chiếc, giá trị 400.000 đồng.
- + Vỏ gối so tin : 50 chiếc, giá trị 2.750.000 đồng.
- + Vỏ gối cattong : 11 chiếc, giá trị 1.045.000 đồng.
- + Màn rẻ : 3 chiếc, giá trị 405.000 đồng.
- + Thân màn hộp kiểu thường: 7 chiếc, giá trị 910.000 đồng.
- + Thân màn hộp đẹp: 15 chiếc, giá trị 2.700.000 đồng.
- + Màn khung : 6 chiếc, giá trị 2.340.000 đồng.
- + Màn hồng hải: 2 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- + Vải màn màu hồng: 30m, giá trị 315.000 đồng..
- + Ren đẹp 30P: 13m, giá trị 143.000 đồng.
- + Ren đẹp 5P: 38m, giá trị 380.000 đồng.
- + Khung nan kang sơn: 1 chiếc, giá trị 200.000 đồng.
- + Chăn hè chân: 2 chiếc, giá trị 360.000 đồng.
- + Chăn đùi hè: 3 chiếc, giá trị 690.000 đồng.
- + Thảm lông chùi chân: 4 chiếc, giá trị 220.000 đồng.
- + Thảm rẻ: 1 chiếc, giá trị 25.000 đồng.
- + Thảm chùi chân tàu: 1 chiếc, giá trị 85.000 đồng.
- + Chiều điều hòa 1,6m đẹp: 3 chiếc, giá trị 1.050.000 đồng.
- + Chiều gấm và gối gấm: 1 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- + Vỏ đệm: 2 chiếc, giá trị 180.000 đồng.
- + Màn khung rẻ: 3 chiếc, giá trị 870.000 đồng.
- + Ghế da: 5 chiếc, giá trị 1.000.000 đồng.
- + Bàn tròn: 1 chiếc, giá trị 530.000 đồng.
- + Bàn nhựa: 2 chiếc, giá trị 180.000 đồng.
- + Ghế Việt Nhật : 3 chiếc, giá trị 252.000 đồng.
- + Ghế nằm: 1 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- + Bô đựng rác: 2 chiếc, giá trị 120.000 đồng.
- + Chậu tắm: 2 chiếc, giá trị 160.000 đồng..
- + Do để đồ: 2 chiếc, giá trị 240.000 đồng.
- + Ghế nhựa thấp: 7 chiếc, giá trị 140.000 đồng.
- + Bộ hình con vật: 1 chiếc, giá trị 90.000 đồng.
- + Bộ khung màn rẻ: 5 bộ, giá trị 1.175.000 đồng.
- + Hộp màn: 7 hộp, giá trị 2.450.000 đồng.

- + Sào vàng: 30 chiếc, giá trị 4.740.000 đồng.
- + Sào nâu: 15 chiếc, giá trị 2.370.000 đồng.
- + Sào trắng: 02 chiếc, giá trị 316.000 đồng.
- + Chân đế: 165 chiếc, giá trị 693.000 đồng.
- + Đầu bua: 125 chiếc, giá trị 562.500 đồng.
- + Trụ trần: 74 chiếc, giá trị 592.000 đồng.
- + Bát: 40 chiếc, giá trị 320.000 đồng.
- + Trụ đôi vàng: 40 chiếc, giá trị 320.000 đồng.
- + Nụ vén: 1 chiếc, giá trị 65.000 đồng.
- + Mếch vải: 7 chiếc, giá trị 644.000 đồng.
- + Mếch nhựa: 15 chiếc, giá trị 675.000 đồng.
- + Vòng ore vàng, trắng, ghi, nâu: 32 bịch, giá trị 1.536.000 đồng.
- + Rua vén: 95 chiếc, giá trị 1.710.000 đồng.
- + Ren rẻ: 15 chiếc, giá trị 375.000 đồng.
- + Ren đẹp: 15 chiếc, giá trị 1.350.000 đồng.
- + Bảng dán 2 mặt làm yêm: 20 chiếc, giá trị 1.000.000 đồng.
- + 01 Máy dập viên, giá trị 21.000.000 đồng
- + 01 Máy may, giá trị 4.000.000 đồng.
- + 01 Máy vắt sổ, giá trị 1.700.000 đồng.
- + 01 Bàn là hơi, giá trị 700.000 đ; 01 bàn là thường, giá trị 350.000 đồng.
- + 01 Máy đục lỗ, giá trị 1.200.000 đồng.
- + 01 Máy cắt to, giá trị 1.400.000 đồng.
- + 01 Máy bắn vít, giá trị 480.000 đồng.
- + 01 Máy khoan, giá trị 850.000 đồng.
- + Sô fa ghi xám + vc: 1 chiếc, giá trị 4.300.000 đồng.
- + So fa da vải nâu + vc: 1 chiếc, giá trị 4.700.000 đồng.
- + So fa xanh chân + vc: 1 chiếc, giá trị 3.000.000 đồng.
- + Kệ kính 1,5m rẻ: 1 chiếc (hổng)
- + Giường mẫu + bộ ga mẫu: 1 bộ , giá trị 2.000.000 đồng.
- + Chiếu nam xịn 1,6m: 2 chiếc, giá trị 660.000 đồng.
- + Chiếu cảnh 1,2m: 1 chiếc, giá trị 170.000 đồng.
- + Chiếu cảnh 1,6m: 1 chiếc, giá trị 200.000 đồng.
- + Màn thông minh Hồng Hải 1,6m: 1 chiếc, giá trị 380.000 đồng.
- + Màn khung xếp 1,6m: 4 chiếc, giá trị 520.000 đồng.
- + Màn khung xếp 1,8m: 2 chiếc, giá trị 270.000 đồng.
- + Màn chụp rẻ 1,6m: 1 chiếc, giá trị 90.000 đồng.
- + 03 kệ sắt để hàng hóa, giá trị 6.000.000 đồng.

- + Hệ thống rèm trang trí, giá trị 6.000.000 đồng.
- Tài sản hàng hóa anh N đã chuyển đi:
- + 05 bộ ga soa tin giá trị 2.500.000 đồng.
- + 06 bộ ga soa tin đơn giá trị 3.000.000 đồng.
- + 11 thân màn hộp giá trị 1.980.000 đồng.
- + 20 bịch vòng ghi giá trị 960.000 đồng.
- + 20 bịch vòng nâu giá trị 960.000 đồng.
- + 120 đầu vua trắng nâu giá trị 540.000 đồng.
- + 120 chân trắng nâu giá trị 504.000 đồng.
- + 02 nệm soul giá trị 1.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chuyển đi là 12.244.000 đồng.

Toàn bộ những tài sản trên anh N đang quản lý.

Tổng giá trị hàng hóa 522.792.500 (Năm trăm hai mươi hai triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm) đồng.

Tổng giá trị tài sản Anh Chu Văn N được sở hữu: 1.421.000.000 đồng + 522.792.500 đồng + 13.568.750 đồng = 1.958.261.250 (Một tỉ, chín trăm năm tám triệu, hai trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

1.2. Giao chị Nguyễn Thị P được quyền sở hữu các tài sản (hàng hóa) tại Ki ốt kinh doanh ở trong chợ thị trấn Yên Thành gồm:

- Đồ bộ: 150 chiếc, giá trị 1.500.000 đồng.
- Áo nắng: 30 chiếc, giá trị 510.000 đồng.
- Bộ trẻ em hàng tàu: 26 chiếc, giá trị 1.170.000 đồng.
- Váy trẻ em: 17 chiếc, giá trị 1.020.000 đồng.
- Áo sơ mi: 15 chiếc, giá trị 750.000 đồng.
- Khăn màn trẻ tắm: 2 chiếc, giá trị 38.000 đồng.
- Khăn màn nhỏ: 3 chiếc, giá trị 57.000 đồng.
- Sơ sinh: giá 500.000đ
- Quần chục hè: 150 chiếc, giá trị 450.000 đồng.
- Quần ấm: 200 chiếc, giá trị 800.000 đồng.
- Móc: 350 chiếc, giá trị 1.225.000 đồng.
- Áo con nữ: 112 chiếc, giá trị 2.240.000 đồng.
- Quần lót nữ: 100 chiếc, giá trị 900.000 đồng.
- Áo sơ mi nam: 20 chiếc, giá trị 2.000.000 đồng.
- Áo phong nam: 30 chiếc, giá trị 900.000 đồng.
- Quần đùi nam: 20 chiếc, giá trị 400.000 đồng.
- Quần ngố nam: 5 chiếc, giá trị 350.000 đồng.
- Xịp: 45 chiếc, giá trị 585.000 đồng.
- Áo nam: 20 chiếc, giá trị 460.000 đồng.
- Quần bò: 20 chiếc, giá trị 2.700.000 đồng.

Toàn bộ những tài sản trên chị P đang quản lý.

Tổng giá trị tài sản 18.550.000 (Mười tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Hàng hóa trong ky ốt chị P đang quản lý.

Nhận tại anh Chu Văn N số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng giá trị đất được chia.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải trích chênh lệch tài sản cho anh Chu Văn N số tiền 13.568.750 (Mười ba triệu, năm trăm sáu tám nghìn, bảy trăm năm mươi) đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị P được sở hữu: 18.550.000 đồng + 1.000.000.000 đồng - 13.568.750 đồng = 1.004.981.250 (Một tỉ, không trăm linh tư triệu, chín trăm tám một nghìn, hai trăm năm mươi) đồng.

2. Chia nghĩa vụ tài sản chung:

2.1 Buộc chị Nguyễn Thị P phải trả tiền cho:

- Bà Nguyễn Thị L số tiền 111.760.000 (Một trăm mười một triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 100.000.000 đồng, Tiền lãi suất: 11.760.000 đồng.

- Bà Phan Thị H số tiền 16.660.000 (Mười sáu triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 15.000.000 đồng, Tiền lãi suất: 1.660.000 đồng.

- Bà Chu Thị L1 số tiền 217.901.000 (Hai trăm mười bảy triệu, chín trăm linh một nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 200.000.000 đồng, Tiền lãi suất: 17.901.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn N số tiền mua hàng 32.068.000 (Ba mươi hai triệu, không trăm, sáu mươi tám nghìn) đồng.

- Anh Lê Văn Đ số tiền mua hàng 15.773.000 (Mười lăm triệu, bảy trăm, bảy mươi ba nghìn) đồng.

2.2. Buộc anh Chu Văn N phải trả tiền cho:

- Bà Chu Thị X số tiền 476.328.000 (Bốn trăm bảy mươi sáu triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn) đồng. Trong đó: Tiền gốc 380.000.000 đồng, tiền lãi suất: 96.328.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị L số tiền mua hàng 19.500.000 (Mười chín triệu, năm trăm nghìn) đồng.

3. Án phí:

- Anh N phải chịu án phí chia tài sản là 55.872.997 đồng + án phí trả nợ chung là 19.799.800 đồng = 75.672.797 đồng và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 8.222.500 (Tám triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn, năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền số 0003795 ngày 02 tháng 07 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành. Anh Chu Văn N còn phải nộp 67.750.297 (Sáu mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi ngàn, hai trăm chín bảy) đồng.

- Chị P phải chịu án phí chia tài sản là 28.432.770 đồng + án phí trả nợ chung 19.799.800 đồng = 48.232.570 (Bốn mươi tám triệu, hai trăm ba mươi hai ngàn, năm trăm bảy mươi) đồng.

Chị Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí ly hôn phúc thẩm trả lại cho chị P 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000385 ngày 14 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành.

5. Thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn N, anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị L, anh Chu Văn N, chị Nguyễn Thị P (đối với các khoản tiền phải trả cho ông Nguyễn Văn N, anh Lê Văn Đ, chị Nguyễn Thị L, anh Chu Văn

N, chị Nguyễn Thị P) cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị P, anh Chu Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử phúc thẩm cho đến khi thi hành án xong (đối với các khoản tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Phan Thị H, bà Chu Thị L1, bà Chu Thị X), chị Nguyễn Thị P, anh Chu Văn N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- Chi Cục THADS H.Yên Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân